

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
50 Tôn Thất Đạm, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

ĐT: 3.9141904 Fax: 3.9141910

-----*****-----

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 1/2015

THÁNG 05/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết Minh	31/03/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.285.368.497.130	3.007.445.891.884
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.377.776.607.070	1.567.118.042.293
1. Tiền	111		491.136.607.070	674.886.605.964
2. Các khoản tương đương tiền	112		886.640.000.000	892.231.436.329
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	217.862.320.866	1.000.161.001
1. Chứng khoán kinh doanh	121		161.001	161.001
doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		217.862.159.865	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.133.632.543.808	751.033.820.224
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		400.911.066.135	364.991.518.270
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		430.719.168.854	153.799.409.650
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	317.598.461.088	245.673.649.540
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(15.596.152.269)	(13.430.757.236)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	503.765.663.406	519.154.186.641
1. Hàng tồn kho	141		504.393.270.978	519.781.794.213
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(627.607.572)	(627.607.572)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		52.331.361.980	169.139.681.725
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.075.528.598	16.672.387.166
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		37.646.510.045	51.474.977.075
3. Thuế và các khoản khác phải thu của nhà nước	153		2.854.568.506	17.818.671.110
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		1.754.754.831	83.173.646.374

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết Minh	31/03/2015	01/01/2015
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.082.731.904.111	6.028.044.086.907
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.05	1.327.927.367.929	1.202.366.492.251
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		764.162.014.150	764.162.014.150
6. Phải thu dài hạn khác	216		613.765.353.779	473.204.478.101
4. Dự phòng phải thu khó đòi	219		(50.000.000.000)	(35.000.000.000)
II. Tài sản cố định	220		2.169.912.831.704	1.442.788.846.699
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	621.624.151.046	86.754.928.385
- Nguyên giá	222		807.117.246.021	145.832.706.303
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(185.493.094.975)	(59.077.777.918)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	1.548.288.680.658	1.356.033.918.314
Nguyên giá	228		2.126.650.130.784	1.850.139.377.804
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(578.361.450.126)	(494.105.459.490)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.08	234.332.348.522	235.346.087.222
- Nguyên giá	231		246.879.657.999	246.879.657.999
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(12.547.309.477)	(11.533.570.777)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.144.340.552.591	1.042.536.353.094
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	1.144.340.552.591	1.042.536.353.094
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	1.973.272.643.701	1.818.296.604.007
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.228.620.249.226	943.146.527.143
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		748.267.685.606	878.052.976.864
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(3.615.291.131)	(2.902.900.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		232.946.159.664	286.709.703.634
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	168.459.847.784	216.286.519.993
5. Lợi thế thương mại	269		64.486.311.880	70.423.183.641
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		10.368.100.401.241	9.035.489.978.791

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết Minh	31/03/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		6.631.312.363.449	5.818.675.541.497
I. Nợ ngắn hạn	310		2.774.846.217.912	2.381.455.348.746
1. Phải trả nợ người bán ngắn hạn	311		190.375.077.471	390.012.291.766
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		21.116.974.257	17.998.813.640
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		78.366.377.651	93.459.242.336
4. Phải trả người lao động	314		1.039.557.779	18.075.203.095
5. Chi phí trả trước ngắn hạn	315		78.853.176.732	29.052.527.325
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		10.847.432.841	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	262.105.907.893	116.738.862.184
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	2.077.594.726.284	1.653.928.822.429
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		48.534.083.235	48.534.083.235
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.012.903.769	13.655.502.736
II. Nợ dài hạn	330		3.856.466.145.537	3.437.220.192.751
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	366.599.109
7. Phải trả dài hạn khác	333		235.045.128.953	44.129.208.200
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	2.471.058.122.221	2.194.531.775.404
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.14	1.095.009.679.028	1.198.122.000.000
11. thuế TNDN hoãn lại chưa thực hiện	341		55.353.215.335	70.610.038
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.736.788.037.792	3.216.814.437.294
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	3.736.788.037.792	3.216.814.437.294
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.952.909.040.000	1.867.549.040.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>1.952.909.040.000</i>	<i>1.867.549.040.000</i>
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		176.527.786.421	176.578.874.261
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của Chủ sở hữu	414		6.660.084.447	6.660.084.447
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.196.576.452	4.271.393.621

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết Minh	31/03/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		100.773.259.194	101.073.494.330
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		702.797.850.596	525.139.141.171
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>290.719.127.236</i>	<i>525.139.141.171</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>412.078.723.360</i>	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		791.923.440.682	535.542.409.464
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	600		10.368.100.401.241	9.035.489.978.791

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
Ngoại tệ các loại				
+ USD			2.182,56	2.195,65
+ EUR			-	-

TPHCM, Ngày 25 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu

ng h

Kế toán trưởng

ng h

NG.T.MAI HƯƠNG

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC BÌNH

CTY CPĐT HẠ TĂNG KỸ THUẬT TP.HCM

50 Tôn Thất Đạm, Quận 1, TP.HCM

Mẫu số B 02a - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ 01/01 đến 31/03	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	438.114.647.953	207.441.837.433	438.114.647.953	207.441.837.433
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		5.573.441.553	3.897.319.889	5.573.441.553	3.897.319.889
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		432.541.206.400	203.544.517.544	432.541.206.400	203.544.517.544
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	297.137.590.179	77.072.817.674	297.137.590.179	77.072.817.674
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		135.403.616.221	126.471.699.870	135.403.616.221	126.471.699.870
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	146.932.107.760	27.922.689.392	146.932.107.760	27.922.689.392
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	32.856.145.025	25.755.161.944	32.856.145.025	25.755.161.944
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>51.090.963.764</i>	<i>45.856.188.798</i>	<i>51.090.963.764</i>	<i>45.856.188.798</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		23.943.028.724	54.662.475.832	23.943.028.724	54.662.475.832
9. Chi phí bán hàng	25		62.993.680.132	41.868.710.578	62.993.680.132	41.868.710.578
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		36.967.262.864	15.250.610.150	36.967.262.864	15.250.610.150
10. Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh [30=20+(21-22)+24 - (25+26)]	30		173.461.664.684	126.182.382.422	173.461.664.684	126.182.382.422
11. Thu nhập khác	31		123.993.881.051	224.122.466	123.993.881.051	224.122.466
12. Chi phí khác	32		156.816.878	4.657.501.231	156.816.878	4.657.501.231

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ 01/01 đến 31/03	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			4	5	6	7
1	2	3				
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		123.837.064.173	-4.433.378.765	123.837.064.173	-4.433.378.765
15. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		297.298.728.857	121.749.003.657	297.298.728.857	121.749.003.657
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	90.961.983.750	24.017.003.741	90.961.983.750	24.017.003.741
17. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-3.545.299	0	-3.545.299	0
18 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		206.340.290.406	97.731.999.916	206.340.290.406	97.731.999.916
19 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (*)	61		171.995.551.028	93.500.184.783	171.995.551.028	93.500.184.783
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		34.344.739.378	4.231.815.133	34.344.739.378	4.231.815.133
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			828		828
22 lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Ghi chú: (*) : Theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2014/TT/BTC của Bộ Tài Chính, kết quả kinh doanh hợp nhất được trình bày trên biểu mẫu này chưa bao gồm lãi thu được từ việc thoái 01 phần vốn đầu tư vào công ty CP Dầu tư cầu đường CII (LGC) số tiền là: 240.083.172.332 đồng , khoản lãi này được ghi nhận trực tiếp vào chi tiêu: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Để tính toán chính xác lợi nhuận của CII, CII tính thêm số tiền lãi này và **tổng lợi nhuận sau thuế của công ty Mẹ là: 412.078.723.360 đồng, hoàn thành 89,19% kế hoạch năm, lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu đạt: 2.132 đ/CP.** (Vui lòng xem thêm tại Thuyết minh - trang 28 của Báo cáo này.

Người lập



Kế toán trưởng



NG.T.MAI HUƠNG

LÊ QUỐC BÌNH

TP. HCM ngày 25 tháng 05 năm 2015

Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015		Đơn vị tính: VND	
Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	553.663.355.263	292.596.386.607
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02	(309.436.195.199)	(135.669.668.893)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(38.795.126.450)	(25.440.894.119)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(78.932.043.935)	(22.067.820.087)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(41.234.020.163)	(22.277.380.043)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	44.649.351.950	226.151.228.326
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(91.732.064.840)	(326.297.362.326)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	38.183.256.626	(13.005.510.535)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(180.370.185.163)	(148.775.271.820)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	18.169.403.068	57.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(154.262.910.400)	(125.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	259.010.914.299	91.210.911.666
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.002.751.743.631)	(142.242.430.030)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	669.965.000.000	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.225.831.027	10.356.500.074
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(370.013.690.800)	(257.450.290.110)

Chi tiêu	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	60.031.192.000	(19.492.027.000)
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN	32	(44.360.000)	(5.389.972.614)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.204.169.338.050	1.213.815.139.166
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.843.492.998.808)	(1.009.989.962.508)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	(89.610.217)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(278.174.340.001)	(133.343.695.860)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	142.488.831.241	45.509.870.967
Lưu chuyển tiền tệ thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(189.341.602.933)	(224.945.929.678)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ(*)	60	1.567.118.042.293	797.248.819.452
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	167.710	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	1.377.776.607.070	572.302.889.774

Người lập



Kế toán trưởng



NG.T.MAI HƯƠNG

TPHCM, ngày 25 tháng 05 năm 2015



LÊ QUỐC BÌNH

CTY CP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

ĐỊA CHỈ: 50 TÔN THẤT ĐẠM, Q1, TP.HCM

Mẫu số B 09a - DNHN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000747 ngày 24 tháng 12 năm 2001 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 16 ngày 21 tháng 01 năm 2015. Vốn điều lệ của Công ty là 1.953.160.040.000 đồng, được chia thành 195.316.004 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 là 132.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, Công ty có 4 (bốn) công ty con và 02 cty TNHH MTV 100% vốn CII với các ngành nghề kinh doanh, hoạt động chính cụ thể như dưới đây.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty mẹ là:

- Đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng-kinh doanh- chuyển giao (BOT); hợp đồng xây dựng- chuyển giao (BT);
- Nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở, để bán hoặc cho thuê, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch, xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất;
- Dịch vụ thu phí giao thông
- Sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng;
- Kinh doanh nhà ở, tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính;
- Xây dựng Công trình dân dụng, Công trình Công nghiệp, Công trình giao thông, Công trình đường ống cấp thoát nước. San lấp mặt bằng.
- Dịch vụ thiết kế, trồng, chăm sóc vườn hoa, cây cảnh, hòn non bộ.
- Kinh doanh nhà vệ sinh Công cộng, nhà vệ sinh lưu động. thu gom rác thải (không hoạt động tại trụ sở)
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và rửa xe ô tô, xe gắn máy. Cung cấp nước sạch
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt.
- Cho thuê kho bãi

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của các Công ty con là:

- + Công ty CP Đầu tư & XD cầu đường Bình Triệu

- Khai thác , xử lý và cung cấp nước (không hoạt động tại trụ sở)
- Xây dựng nhà các loại . Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng .
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước .Lắp đặt hệ thống xây dựng (không rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn ; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở.
- Sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản

+ Công ty Cổ phần Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ

- Xây dựng cao ốc văn phòng
- Kinh doanh bất động sản

+ Công ty CP Đầu tư Cầu Đường CH (tên cũ:CP Cơ khí điện Lữ gia)

- SXKD sản phẩm cơ khí điện chiếu sáng công cộng, thi công lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng

+ Công ty CP E&C

- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng (B.O.T)
- Xây dựng: giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, thủy điện, điện;
- Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế, khảo sát, giám sát công trình xây dựng);
- Sản xuất: vật liệu, xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Sửa chữa phương tiện thiết bị thi công, gia công dầm cầu thép, cấu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác ...
- Lập dự án đầu tư, đấu thầu, lập dự toán, tổng dự toán công trình.

+ Công ty TNHH MTV Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia

Kinh doanh bất động sản; QSDD thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Hoạt động của các cơ sở thể thao; Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; Quảng cáo; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá QSDD...

+ Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hạ tầng

- Dịch vụ thu phí giao thông (thực hiện theo công văn 2032/UBND-ĐTMT ngày 03/5/13 của UBND TP HCM)
- Dịch vụ trông giữ xe.
- Bán buôn máy vi tính , thiết bị ngoại vi và phần mềm
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan

Chi tiết :

- Tư vấn , cung cấp các giải pháp công nghệ, lắp đặt thiết bị điều khiển và kết nối mạng các trạm điều khiển (trừ gia công cơ khí, tài chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);

- Cung cấp và lắp đặt các giải pháp công nghệ quản lý bãi đậu xe (trừ gia công cơ khí, tài chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Những nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Báo cáo tài chính được lập theo Báo cáo tài chính được lập theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên Bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi / lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 do Bộ Tài chính ban hành.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

* Tài sản cố định vô hình được hình thành từ dự án B.O.T (Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao) như : dự án Cầu đường Bình Triệu 2, thu phí hoàn vốn đầu tư xây dựng mới Cầu Rạch Chiếc và thu phí hoàn vốn đầu tư xây dựng tuyến tránh Phan Rang-Tháp Chàm sẽ được khấu hao tài sản cố định theo tỷ trọng trên doanh thu hàng năm. Giá trị khấu hao của năm cuối cùng là toàn bộ giá trị còn lại của tài sản trong năm cuối cùng (theo công văn hướng dẫn của Bộ Tài Chính

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính và chứng khoán

Các khoản đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu được qui định trong Chuẩn mực Kế toán số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và các khoản đầu tư vào công ty con. Dự phòng giảm giá trị đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Giám Đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập với điều kiện giá trị ghi sổ sau hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nếu như dự phòng chưa được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty Con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Tại ngày 31/03/2015, Công ty có các công ty con như sau :

Tên Cty	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu đường Bình Triệu	69,19%	98,85%
Công ty CP Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	90,00%	90,00%
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII	99,54%	99,54%
Công ty CP Đầu tư Cầu đường CII	51,35%	51,35%
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hạ tầng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	100,00%	100,00%

Khoản đầu tư vào Công ty con (theo danh sách nêu trên) đã được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tại ngày 31/03/2015, Công ty có các công ty liên kết như sau :

Tên Cty	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn	49,13%	49,13%
Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm	49,00%	49,00%
Công ty CP Hòa Phú	30,00%	30,00%
Cty CP ĐT HT Kỹ thuật Vinaphil	36,38%	49,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp	29,53%	29,53%
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	36,41%	36,41%
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	21,61%	21,61%

Khoản góp vốn đầu tư vào công ty liên kết Boo Đồng Tâm đã xác định chuyển nhượng nên được hợp nhất như một khoản đầu tư vào công ty này

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí bảo dưỡng đường xá, di dời trạm, công cụ, dụng cụ... được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn từ 2 đến 3 năm.

Dự phòng phải trả

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích lập là 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm đầu tư chứng khoán, lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn và lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về cổ tức, lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng.

Chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để đầu tư và góp vốn vào các dự án Công ty tham gia được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

V.1. Tiền và các khoản tương đương tiền:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	7.430.463.241	5.362.198.324
- Tiền gửi ngân hàng	483.706.143.829	669.524.407.640
- Các khoản tương đương tiền	886.640.000.000	892.231.436.329
Cộng	1.377.776.607.070	1.567.118.042.293

V.2. Các khoản đầu tư tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá
- Đầu tư ngắn hạn		161.001		161.001
Cổ phiếu	-	161.001	-	161.001
Đầu tư ngắn hạn khác		-		-
- Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn từ 6 tháng		217.862.159.865		1.000.000.000
<i>- Lý do thay đổi: là do cơ cấu lại danh mục các khoản đầu tư của Công ty</i>				
Cộng	-	217.862.320.866	-	1.000.161.001

V.3. Các khoản phải thu khác:	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
+ Công ty CII				
Công ty CP Đầu tư & PTHH Vinaphil				42.522.522.222
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng		6.470.833.334		6.470.833.334
Công ty 577		52.447.102.244		22.521.221.175
Công ty CP BOO Nước Đồng Tâm		33.783.749.999		32.999.999.999
Lãi Vốn Chủ DA BOT Cầu Rạch Chiếc (*)		3.285.000.000		13.140.000.000
Cổ tức các khoản đầu tư vào các cty		1.700.000.000		1.700.000.000
Cty CP Đầu tư XD Tuấn Lộc		31.752.481.166		110.625.416.666
Phải thu khác		1.950.775.837		455.433.610
Cộng Cty CII	-	131.389.942.580	-	230.435.427.006

+ Cty CP Đầu tư Cao ốc VP Điện Biên Phủ

-

-

+ Cty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn

-

-

Cty HFIC

Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận Bình Thạnh

+ Cty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ G	32.547.467	279.589.663
+ Cty CP Đầu tư & XD Xa lộ Hà nội	-	69.030.820
Cty CP CK Việt Thành		69.030.820
+ Cty CP CII B & R (Cơ khí điện Lữ gia)	12.731.070.364	4.317.057.997
Cty HFIC		3.730.866.028
Chi phí vốn chủ sở hữu DA BOT tuyến tránh Ninh Thuận	9.546.600.660	
Khác	3.184.469.704	586.191.969
+ Công ty CP Đầu tư XD Cầu đường Bình triệu	686.514.206	-
+ Cty CP CII E & C	166.858.998.193	20.900.000
Tạm ứng Công trường	144.360.241.135	
Khác	22.498.757.058	
+ Cty TNHH MTV Dịch vụ TP	5.899.388.278	-
+ Công ty CP Đầu tư & PT XD Ninh Thuận	-	8.992.821.910
Chi phí vốn chủ sở hữu (*)- ngắn hạn		8.992.821.910
Phải thu khác		
+ Cty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	-	1.558.822.144
Cộng	-	317.598.461.088
		245.673.649.540

V.4. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	34.488.603.356	32.318.658.200
- Công cụ, dụng cụ	80.030.336	99.862.327
- Chi phí SX-KD và đầu tư dở dang	462.687.981.371	480.032.262.985
- Thành phẩm	6.764.607.290	6.982.122.074
- Hàng hóa	372.048.625	348.888.627
Cộng	-	504.393.270.978
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	627.607.572
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	-	503.765.663.406

V.5. Các khoản phải thu dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1 Phải thu dài hạn khách hàng	764.162.014.150	764.162.014.150
Phải thu UBND TP tiền xây dựng cầu Sài Gòn theo tiến độ	764.162.014.150	764.162.014.150
2 Phải thu dài hạn khác	613.765.353.779	473.204.478.101

- Ký quỹ, ký cược dài hạn	101.947.612.860	2.117.412.860
- Lãi vốn chủ DA BOT cầu Rạch Chiếc (*)	41.613.873.610	35.043.873.610
- Trái phiếu Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng	50.000.000.000	50.000.000.000
- Lãi vốn chủ DA BOT XLHN (*)	298.484.708.940	269.136.506.794
- Lãi vốn chủ DA tuyển tránh PR-TC (*)	121.719.158.369	116.906.684.837
3 Dự phòng khoản phải thu dài hạn	(50.000.000.000)	(35.000.000.000)
- Trái phiếu Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng	(50.000.000.000)	(35.000.000.000)
Cộng	-	1.327.927.367.929
		1.202.366.492.251

Chi phí vốn chủ sở hữu (*): là lãi cố định được hưởng tính trên số tiền giải ngân cho Dự án BOT. Theo CV hướng dẫn 6070/BTC-CST ngày 15/5/2013, các đơn vị thực hiện dự án đã điều chỉnh chi phí vốn chủ từ Xây dựng cơ bản sang TK phải thu và sẽ thu hồi dần khi DA đi vào khai thác. Chi phí vốn chủ phải thu ngắn hạn là khoản thu trong vòng 12 tháng.

I.6. Tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số đầu năm	40.066.488.205	80.962.961.629	23.461.723.462	1.341.533.007	145.832.706.303
- Mua, tăng khác trong năm		3.590.909.091	863.636.364		4.454.545.455
- Đầu tư XDCB hoàn thành					-
- Tăng khác	656.087.282.984	742.711.279			656.829.994.263
- Thanh lý, nhượng bán, giám khác					-
Số cuối kỳ	696.153.771.189	85.296.581.999	24.325.359.826	1.341.533.007	807.117.246.021
Khấu hao					
Số đầu năm	4.609.527.858	40.199.908.289	12.972.160.969	1.296.180.803	57.781.597.116
- Khấu hao trong năm	6.700.000.592	1.340.169.448	598.579.329	15.921.591	8.654.670.960
- Tăng khác	117.278.354.904	482.291.192			117.760.646.096
- Thanh lý, nhượng bán, giám khác					-
Số cuối kỳ	128.587.883.354	42.022.368.929	13.570.740.298	1.312.102.394	185.493.094.975
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	35.456.960.347	40.763.053.340	10.489.562.493	45.352.204	86.754.928.384
Số cuối kỳ	567.565.887.835	43.274.213.070	10.754.619.528	29.430.613	621.624.151.046

V.7. Tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	QSDĐ (thuế đất NM Nhon Trạch)	Quyền thu phí giao thông do đánh giá lại	Quyền thu phí giao thông tránh Ninh thuận	Quyền thu phí giao thông cầu Bình Triệu 2	Quyền thu phí giao thông trạm XLHN	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình							
Số đầu năm	8.031.674.450		581.331.629.217	215.164.902.241	1.045.064.171.896	547.000.000	1.850.139.377.804
- Tăng do đầu tư hoàn thành							-
- Tăng khác		276.430.752.980				80.000.000	276.510.752.980
- Giảm khác (*)							-
Số cuối kỳ	8.031.674.450	276.430.752.980	581.331.629.217	215.164.902.241	1.045.064.171.896	627.000.000	2.126.650.130.784
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số đầu năm	929.927.089		46.712.096.602	174.750.394.396	271.600.807.249	112.234.154	494.105.459.490
- Khấu hao trong năm	42.663.879		9.677.714.162	20.207.253.923	54.217.566.540	30.792.132	84.175.990.636
- Tăng khác						80.000.000	80.000.000
- Giảm khác (*)							-
Số cuối kỳ	972.590.968	-	56.389.810.764	194.957.648.319	325.818.373.789	223.026.286	578.361.450.126
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	7.101.747.361	-	534.619.532.615	40.414.507.845	773.463.364.647	434.765.846	1.356.033.918.314
Số cuối kỳ	7.059.083.482	276.430.752.980	524.941.818.453	20.207.253.922	719.245.798.107	403.973.714	1.548.288.680.658

V.8 *Bất động sản đầu tư*

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá bất động sản đầu tư				
- Nhà và quyền sử dụng đất	246.879.657.999			246.879.657.999
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Nhà và quyền sử dụng đất	11.533.570.777	1.013.738.700		12.547.309.477
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại của BĐS đầu tư				
- Nhà và quyền sử dụng đất	235.346.087.222			234.332.348.522
- Cơ sở hạ tầng				

<i>V.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Công ty CII	78.026.151.044	74.879.060.408
Trong đó (Những công trình lớn):		
+ Dự án di dời hạ tầng XLHN	1.387.776.919	1.366.443.583
+ Dự án 152 Điện Biên Phủ	72.237.672.700	69.592.791.323
+ Dự án BOT Cần Bình Triệu	524.425.112	524.425.112
+ Dự án liên tỉnh lộ 25B		0
+ Di dời đường dây cao thế Bến Thành-Suối Tiên	1.631.449.470	1.532.018.562
+ Di dời tái lập tuyến cấp nước	1.047.461.523	1.031.600.325
+ Dự án Nhà máy xử lý nước thải Suối Nhum	28.013.322	28.013.322
+ Dự án Diamond Riverside	18.740.454	18.740.454
+ Dự án khu đô thị Thủ Thiêm quận 2	1.150.611.544	785.027.727
- Công ty CP Đầu tư & XD Xa lộ Hà nội	974.716.329.270	930.952.161.181
- Công ty CP Đầu tư Cao Ốc VP Điện Biên Phủ	9.906.969.998	9.631.355.596
- Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn		
- Công ty CP CII B&R (Cơ khí điện Lữ gia)	147.203.091	129.021.273
- Cty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	62.482.565.192	25.358.110.889
- Dự án 741 - Cty VRG	16.475.116.004	
- Công ty CP Đầu tư & PT XD Ninh Thuận	2.586.217.992	1.586.643.747
Cộng	1.144.340.552.591	1.042.536.353.094

V.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Số cuối kỳ

Số đầu năm

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá
a. Đầu tư vào Cty liên doanh, liên kết		1.228.620.249.226		943.146.527.143
Cty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	12.570.215	268.576.395.879		-
Cty CP Hòa Phú		33.122.002.967		33.122.002.967
Công ty CP Hạ tầng nước Sài Gòn (SII)		433.588.126.186		433.471.337.704
Cty CP ĐT HT Kỹ thuật Vinaphil		378.337.869.315		354.628.041.105
Cty CP Vận tải bến bãi Sài Gòn		10.831.915.761		10.350.371.977
Công ty CP Tư vấn và Kiểm định Xây dựng		2.084.908.775		2.084.908.775
Cty TNHH BOT cầu Rạch Miễu		69.727.465.507		77.176.022.507
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận		37.722.728		
Cty CP Đầu tư Nước Tân Hiệp		32.313.842.108		32.313.842.108
<i>Lý do thay đổi: đầu tư thêm hoặc thoái vốn một số danh mục đầu tư</i>				
b. Đầu tư dài hạn khác		748.267.685.606		878.052.976.864
- Đầu tư cổ phiếu		32.402.900.000		162.188.191.258
Công ty CP Đầu tư & PT XD		29.500.000.000		29.500.000.000
Cổ phiếu AQA		2.902.900.000		2.902.900.000
Công ty CP 577			5.967.855	129.785.291.258
Cổ phiếu SII				
- Đầu tư trái phiếu		-		-
- Hợp tác đầu tư		715.864.785.606		715.864.785.606
Dự án 6,5ha KDC P.Bình An, Q2		14.331.906.973		14.331.906.973
Dự án 155 Nguyễn Chí Thanh		11.319.090.627		11.319.090.627
DA BOT cầu Đồng nai		9.000.000.000		9.000.000.000
DA khu Cổ Mễ - Cty Vườn Việt		2.165.395.033		2.165.395.033
DA Chung cư Diamond Riverside		458.961.083.081		458.961.083.081
Công ty CP BOT Cầu Phú Mỹ		29.700.000.000		29.700.000.000
DA Mê Kông-Tiền Giang		5.000.000.000		5.000.000.000
Cty CP BOO nước Đồng Tâm		185.387.309.892		185.387.309.892
c. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn:		(3.615.291.131)		(2.902.900.000)

Cổ phiếu AQA	(2.902.900.000)	(2.902.900.000)
Công ty CP 577	(712.391.131)	-
Tổng cộng	1.973.272.643.701	1.818.296.604.007

<i>V.11 Chi phí trả trước dài hạn:</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí công cụ dụng cụ	19.242.981.224	32.122.716.833
Chi phí in vé cầu đường	580.056.848	754.862.738
Chi phí phát triển dự án	863.216.941	2.873.175.136
Lãi vay dự án B.O.T Cầu Rạch Chiếc chờ phân bổ (88.697.604.156	86.290.569.921
Lãi vay dự án B.O.T tuyến tránh PR-TC chờ phân b	58.679.023.066	52.520.885.389
Chi phí phát hành trái phiếu 1000 tỷ VCB		16.309.324.087
Chi phí phát hành trái phiếu 650 tỷ Vietinbank		5.216.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu Doanh nghiệp		-
Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi		19.513.884.639
Chi phí khác	396.965.549	685.101.250
Cộng	168.459.847.784	216.286.519.993

(*) Chi phí Lãi vay phát sinh trong thời gian khai thác của Dự án BOT: được sự chấp thuận của Bộ Tài Chính, chi phí lãi vay dự án phát sinh trong thời gian khai thác sẽ được hạch toán vào kết quả kinh doanh theo tỷ lệ doanh thu trong kỳ. Chi phí lãi vay còn chưa phân bổ hết sẽ được hạch toán chi phí vào năm thu phí cuối cùng.

<i>V.12 Vay và nợ ngắn hạn</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Vay ngắn hạn	437.516.726.284	- 258.974.822.429
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	71.913.726.284	12.660.839.208
Ngân hàng TMCP Công thương VN_CN 11_HCM	288.323.000.000	241.093.000.000
NH SHINHAN (Hàn Quốc)	19.000.000.000	
Ngân hàng Xuất nhập khẩu VN_SGD1	58.280.000.000	
Cty CP Chứng khoán TP.HCM		5.220.983.221
Vay các đối tượng khác	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả	1.640.078.000.000	1.394.954.000.000
Cộng	2.077.594.726.284	1.653.928.822.429

<i>V.13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Chi phí BH	619.996.480	754.739.303

- Lãi trái phiếu chưa đến hạn thanh toán	30.771.881.905	15.931.703.078
- Lãi trái phiếu chuyển đổi chưa đến hạn thanh toán	14.359.764.083	7.820.860.639
- Tổng Công ty XD CT GT 5 - CTCP	2.637.335.981	14.521.076.323
- Cty CP Đầu tư Tài chính TP Hồ Chí Minh	22.240.864.149	14.268.344.170
- Cổ tức phải trả	6.903.511.171	2.152.811.755
- Lãi vay phải trả chưa đến hạn thanh toán	27.057.086.122	32.648.499.372
- BDH các công trình	92.676.211	7.118.674.545
- Chi phí duy tu chưa thanh toán	12.348.149.860	10.576.333.960
- Công ty CP Xây Dựng Đầu Tư An Phát	18.660.709.221	
- Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng BMT	43.053.820.039	
- Công ty CP Kỹ thuật Bê tông nhựa DMD	14.053.775.369	
- Công ty TNHH Xây Dựng Phú Vinh	27.059.757.654	
- Công ty TNHH TM & Xây Dựng Sơn Long Thuận	12.286.757.587	
- Cty CP Đầu tư VPII	19.046.105.649	8.875.168.302
- Công ty Cao su Đồng Phú góp vốn khu TDC	3.005.188.988	
- Tổng Công ty Xây dựng Giao thông 6	3.351.653.113	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.556.874.311	2.070.650.737
Cộng	262.105.907.893	116.738.862.184

<i>4.12.b Dự phòng khoản phải trả</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Dự phòng chi phí phải trả cho Nhà đầu tư Nước ngoài	48.534.083.235	48.534.083.235
Cộng	48.534.083.235	48.534.083.235

<i>V.14 Vay và nợ dài hạn</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Vay Ngân hàng	2.647.079.779.063	2.180.485.886.885
<i>Công ty CII</i>	<i>906.561.000.000</i>	<i>975.738.000.000</i>
Ngân hàng TMCP XNK VN	245.000.000.000	280.000.000.000
Ngân hàng Công thương - CN 11	661.561.000.000	695.738.000.000
Ngân hàng Hàng Hải		
<i>Công ty CP Đầu tư & PT XD Ninh Thuận</i>	<i>-</i>	<i>387.000.000.000</i>
Ngân hàng Công thương - CN 11		387.000.000.000
<i>Cty CP CII B& R (tên cũ: Cơ khí điện Lữ gia)</i>	<i>1.651.526.375.995</i>	<i>233.186.899.750</i>

NH BIDV Bình Dương	159.846.121.841	
Quỹ đầu tư phát triển Bình Dương	74.674.636.617	
Ngân hàng TMCP XNK VN	160.336.899.750	233.186.899.750
Ngân hàng PTNDB SCL	1.256.668.717.787	
Công ty TNHH MTV BDS Lữ gia	88.992.403.068	
Ngân hàng Công thương - CN 11	88.992.403.068	
Công ty CP Đầu tư và XD XLHN	-	584.560.987.135
Ngân hàng Công thương - CN 11		584.560.987.135
Cty CP Xây dựng hạ tầng CII E & C	-	-
- Trái phiếu phát hành	1.464.056.343.158	1.111.000.000.000
Trái phiếu thông thường	1.464.056.343.158	1.111.000.000.000
- Vay đối tượng khác		297.999.888.519
Cộng	4.111.136.122.221	4.787.607.775.404

V.14b	Trái phiếu chuyển đổi	1.095.009.679.028	1.198.122.000.000
	Trái phiếu chuyển đổi năm 2011	790.951.679.028	1.198.122.000.000
	Trái phiếu hoán đổi năm 2015	304.058.000.000	
	Cộng	1.095.009.679.028	1.198.122.000.000

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch sau:

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trong vòng một năm	1.640.078.000.000	1.394.954.000.000
Trong năm thứ hai	620.525.000.000	542.292.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.962.991.680.394	1.898.542.920.763
Sau năm năm	982.551.120.855	951.818.854.641
	5.206.145.801.249	4.787.607.775.404
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	1.640.078.000.000	1.394.954.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	3.566.067.801.249	3.392.653.775.404
trong đó: Trái phiếu Chuyển đổi	1.095.009.679.028	1.198.122.000.000

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2				5	5	6
Số dư đầu năm trước	1.128.615.000.000	105.309.914.261		-	170.383.450	96.593.566.864	300.553.260.105	1.631.242.124.680
- Tăng vốn trong năm nay	738.934.040.000							738.934.040.000
- Lãi trong năm nay							388.168.489.223	388.168.489.223
- Trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế					4.101.010.171	4.479.927.466	20.000.464.543	28.581.402.180
- Tăng do chuyển đổi TPCĐ sang CP		71.268.960.000						71.268.960.000
- Tăng khác			6.660.084.447					
- Giảm do đánh giá lại LICDTS sau khi mua CP phát hành							1.560.259.167	1.560.259.167
- Chi trả cổ tức							135.361.800.000	135.361.800.000
- Giảm khác							(6.660.084.447)	(6.660.084.447)
Số dư đầu năm	1.867.549.040.000	176.578.874.261	6.660.084.447	-	4.271.393.621	101.073.494.330	525.139.141.171	2.681.272.027.830
- Tăng vốn trong năm nay								-
- Lãi trong năm nay							171.995.551.028	171.995.551.028
- Lãi từ thoái 1 phần vốn đầu tư vào công ty B&R							240.083.172.332	240.083.172.332
- Tăng do chuyển đổi TPCĐ	85.360.000.000							85.360.000.000
- Tăng khác					925.182.831			925.182.831
- Chi trả cổ tức							234.349.084.800	234.349.084.800
- Giảm khác		51.087.840				300.235.136	70.929.135	422.252.111
Số cuối kỳ	1.952.909.040.000	176.527.786.421	6.660.084.447	-	5.196.576.452	100.773.259.194	702.797.850.596	2.944.864.597.110

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	195.290.904	186.780.904
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	195.290.904	186.754.904
+ Cổ phiếu phổ thông	195.290.904	186.754.904
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	195.290.904	186.754.904
+ Cổ phiếu phổ thông	195.290.904	186.754.904

	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
VI.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dv	24.710.209.671	13.227.202.901	24.710.209.671	13.227.202.901
- Doanh thu thu phí và thanh lý hợp đồng BOT	155.920.725.908	130.669.046.366	155.920.725.908	130.669.046.366
- Doanh thu hoạt động xây lắp, thi công	245.724.247.232	57.325.873.985	245.724.247.232	57.325.873.985
- Doanh thu kinh doanh căn hộ	791.580.468	229.658.027	791.580.468	229.658.027
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	10.967.884.674	5.990.056.154	10.967.884.674	5.990.056.154
Cộng	438.114.647.953	207.441.837.433	438.114.647.953	207.441.837.433
Các khoản giảm trừ doanh thu				
- Hàng bị trả lại				
- Giảm giá hàng bán	40.236.075		40.236.075	
- Giảm trừ doanh thu vốn chủ dự án B.O.T	5.533.205.478	3.897.319.889	5.533.205.478	3.897.319.889
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	432.541.206.400	203.544.517.544	432.541.206.400	203.544.517.544
VI.2. Giá vốn hàng bán				
- Giá vốn của hợp đồng BT				
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	17.077.223.314	12.848.616.202	17.077.223.314	12.848.616.202
- Giá vốn của hoạt động Thu phí	38.380.687.188	22.161.652.965	38.380.687.188	22.161.652.965
- Giá vốn của hoạt động xây dựng, thi công	235.026.404.041	39.029.138.334	235.026.404.041	39.029.138.334
- Giá vốn của hoạt động kinh doanh căn hộ	507.386.364	204.612.743	507.386.364	204.612.743
- Giá vốn của hoạt động cung cấp dịch vụ	6.145.889.272	2.828.797.430	6.145.889.272	2.828.797.430
Cộng	297.137.590.179	77.072.817.674	297.137.590.179	77.072.817.674

	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
VI.3. Doanh thu hoạt động tài chính				
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay...	18.929.441.115	4.779.755.006	18.929.441.115	4.779.755.006
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	981.419.999	8.171.979.776	981.419.999	8.171.979.776
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	127.021.246.646	14.970.954.610	127.021.246.646	14.970.954.610
Cộng	146.932.107.760	27.922.689.392	146.932.107.760	27.922.689.392
VI.4. Chi phí tài chính				
- Lãi tiền vay	75.842.643.526	45.856.188.798	75.842.643.526	45.856.188.798
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	712.391.131	(27.838.686.570)	712.391.131	(27.838.686.570)
- Chi phí tài chính khác	(43.698.889.632)	7.737.659.716	(43.698.889.632)	7.737.659.716
Cộng	32.856.145.025	25.755.161.944	32.856.145.025	25.755.161.944

VI.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đơn vị tính: VNĐ

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015		Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014	
	Hoạt động được hưởng ưu đãi	Hoạt động khác	Hoạt động được hưởng ưu đãi	Hoạt động khác
Thu nhập tính thuế (*)	49.198.886.837	413.015.355.025	11.721.273.537	121.989.589.077
Thuế suất thông thường	10%	22% , 20%	10%	22% và 20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.621.458.971	90.721.767.028	1.133.520.688	26.865.748.917
Thuế thu nhập doanh nghiệp bỏ ^{chung}	9.381.242.249	-	-	-
Thuế TNDN được miễn, giảm (**)	-	-	694.072.686	3.288.193.177
Thuế TNDN còn phải nộp	240.216.721	90.721.767.028	439.448.002	23.577.555.739
Tổng cộng thuế TNDN phải nộp	90.961.983.750	0	24.017.003.741	

(*) Thu nhập tính thuế hợp nhất được tính trên cơ sở cộng dồn Thu nhập tính thuế của các đơn vị gồm: Công ty Mẹ và các công ty con, không tính bù trừ giữa các đơn vị với nhau.

(**) Năm 2015, Công ty CP Đầu tư và XD Cầu đường Bình triệu và công ty CP Đầu tư và phát triển XD Ninh Thuận tiếp tục được hưởng ưu đãi miễn, giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động thu phí tại Cầu Bình Triệu; và thu phí tuyến tránh Phan rang-Tháp chàm

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

VII.1 Nghiệp vụ và số dư với bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

1- Phải thu các Công ty Liên kết	31/03/2015 (VNĐ)	01/01/2015 (VNĐ)
1 Công ty Cổ phần BOO nước Đồng Tâm:		
<i>Lãi trái phiếu doanh nghiệp</i>	8.283.749.999	7.499.999.999
<i>Mệnh giá trái phiếu đã đến hạn</i>	25.500.000.000	25.500.000.000
2 Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil		
<i>Dư nợ vay</i>		42.440.000.000
<i>Lãi vay còn phải trả</i>		82.522.222
3 Công ty CP Đầu tư 577		
<i>Dư nợ vay</i>	50.367.703.704	
<i>Lãi vay còn phải trả</i>	2.079.398.540	
Cộng	86.230.852.243	75.522.522.221

2- Các khoản trả trước cho Công ty Liên kết: không có

3- Các khoản phải trả các Công ty Liên kết	31/03/2015 (VNĐ)	01/01/2015 (VNĐ)
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (SII) Nhận đặt cọc chuyển nhượng khoản đầu tư vào Cty CP Nước Tân Hiệp	32.857.351.111	32.857.351.111
Phải trả từ chuyển nhượng các dự án Phi ngành nước	272.670.714.696	272.670.714.696
Cộng	305.528.065.807	305.528.065.807

4- Các giao dịch phát sinh trong kỳ			Từ 01/01/2015
Đối tượng	Nội dung giao dịch	Mối quan hệ	đến 31/03/2015
Công ty CP Đầu tư 577	Mua thêm cổ phiếu tăng tỷ lệ quyền biểu quyết lên 21,61%	Trở thành công ty liên kết	138.672.679.373
	Chuyển trả cổ tức		1.000.000.000
	Chuyển tiền cho vay		30.000.000.000
	Lãi vay phát sinh		934.881.070
Công ty CP bến bãi vận tải Sài Gòn	Chuyển trả cổ tức	Công ty liên kết	990.420.000
Công ty CP BOO Nước Đồng Tâm	lãi trái phiếu trong kỳ	Công ty liên kết	783.750.000
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch	Thoái vốn vốn	Công ty liên kết	70.533.623.284
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	Lãi vay phát sinh trong kỳ	Công ty liên kết	895.955.557
	Chuyển trả vốn và lãi cho vay		43.418.477.779

VII.2 Thu nhập Ban Điều hành được hưởng trong năm như sau:

	Lũy kế từ 01/01/2015 đến 31/03/2015 (VNĐ)	Lũy kế từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 (VNĐ)
Lương	1.977.823.794	1.181.065.794
Thu nhập khác	6.860.312.319	2.315.461.569
Cộng	8.838.136.113	3.496.527.363

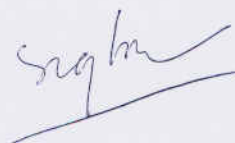
VII.3 Sự kiện khác trong niên độ:

VII.4 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán: không có

Người lập



Kế toán trưởng



NG.T.MAI HƯƠNG

Ngày 25 tháng 05 năm 2015

Tổng giám đốc



LÊ QUỐC BÌNH

Số: 364/2015/CV-CII

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 05 năm 2015

V/v: giải trình chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh (CII) thông báo kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh hợp nhất quý 1/2015 như sau:

Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ hợp nhất đạt 412 tỷ đồng (trong đó, theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, hạch toán trực tiếp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là gần 172 tỷ đồng và hạch toán trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là 240 tỷ đồng), **lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (EPS) đạt 2.132 đồng/cổ phiếu.**

Với kết quả đạt được như trên, LNST của công ty mẹ quý 1 năm 2015 tăng 318,5 tỷ đồng, tương đương 340,64% so với quý 1/2014, và hoàn thành 89,19% kế hoạch năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông CII thông qua.

Kết quả đạt được khả quan như vậy chủ yếu từ một số nguyên nhân sau:

- Tổng doanh thu thu phí tăng khoảng 20% so với cùng kỳ năm trước
- CII chuyển nhượng thành công 30 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII Bridge & Road – mã chứng khoán LGC) và phát hành thành công 491.275 trái phiếu hoán đổi như đã công bố thông tin.
- LNST của công ty mẹ CII Bridge & Road đạt 247 tỷ đồng, vượt gần 38% so với kế hoạch năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông CII Bridge & Road thông qua. CII là công ty mẹ của CII Bridge & Road nên LNST của CII Bridge & Road cũng được hạch toán trên báo cáo hợp nhất của CII theo tỷ lệ sở hữu.

Chi tiết về báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2015 của Công ty CII, vui lòng xem tại website: www.cii.com.vn.

Trân trọng.

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ QUỐC BÌNH

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu: VP. P.TC-KT